

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **559** /TB-CHP

V/v công bố Báo cáo tài chính
năm 2023 đã kiểm toán

Hải Phòng, ngày **28** tháng 02 năm 2024

Digitally signed by NGUYỄN TƯỜNG ANH
DN: C=VN, S=HẢI PHÒNG, L=Ngô Quyền,
OU=Công Ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng,
T=TGĐ, CN=NGUYỄN TƯỜNG ANH,
OID.0.9.2342.1.9=000001001, E=TMND:
030933863
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024-03-01 17:45:15

**NGUYỄN
TƯỜNG ANH**

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Cảng Hải Phòng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Mã chứng khoán: PHP

Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Điện thoại liên hệ: 0225.3859945

Fax: 0225.3859973

Email: congbothongtin@haiphongport.com.vn

Website: <https://haiphongport.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, bao gồm:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã kiểm toán;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán;
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có ☐

Không ☒



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/02/2024 tại đường dẫn: <https://haiphongport.com.vn/vi/bao-cai-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
- Công văn số 548 /CHP-TCKT ngày 28/02/2024 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong BCTC kiểm toán năm 2023.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (để báo cáo)
- Lưu: VT, TKCT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tường Anh

Số: 25/NQ-CHP

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc công bố Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán
của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1948/QĐ-CHP ngày 29/6/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-CHP ngày 29/6/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định 2919/QĐ-CHP ngày 29/9/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Xét Tờ trình số 535/TTr-CHP ngày 27/02/2024 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc công bố Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

Căn cứ Bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng số 53/THYK-HĐQT ngày 28/02/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thông qua nội dung và chấp thuận việc công bố Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Cảng Hải Phòng (gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) và giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 theo chi tiết kèm theo.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ, các Quy chế của Công ty và pháp luật hiện hành thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban KTNB;
- P.TCKT;
- Lưu: TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 53

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Văn Thạch	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Cảnh Bình	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Vũ Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban
Ông Vũ Văn Hới	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/10/2023)
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là bà Trần Thị Thanh Hải.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Số: 151/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023*

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 53 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 150,47 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty từ năm 2020 đến năm 2023.

2. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng này. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty (đính kèm).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại ngày 28/02/2023 liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản 02 cầu cảng 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng, các khoản vay và chi phí lãi vay tương ứng được ghi nhận đối với báo cáo tài chính và việc điều chỉnh cần thiết (nếu có) khi Bộ Tài chính yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2020-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.660.986.633.819	2.336.505.444.557
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	80.830.437.874	487.327.218.671
Tiền	111		50.230.437.874	59.127.218.671
Các khoản tương đương tiền	112		30.600.000.000	428.200.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	766.098.000.000	1.107.488.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		766.098.000.000	1.107.488.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		625.951.321.912	656.474.383.750
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	148.316.144.394	177.091.615.577
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	208.657.181.161	237.749.123.114
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	295.721.754.081	266.950.846.766
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(26.743.757.724)	(25.317.201.707)
Hàng tồn kho	140	9	77.574.889.957	63.750.549.415
Hàng tồn kho	141		77.574.889.957	63.750.549.415
Tài sản ngắn hạn khác	150		110.531.984.076	21.465.292.721
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	13.433.610.952	15.917.699.028
Thuế GTGT được khấu trừ	152		96.520.193.471	5.522.607.144
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	578.179.653	24.986.549
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.418.579.181.503	3.350.595.230.487
Tài sản cố định	220		1.676.525.986.986	1.784.486.112.707
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.669.324.327.734	1.778.607.763.344
- Nguyên giá	222		4.736.901.059.496	4.716.040.761.429
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.067.576.731.762)	(2.937.432.998.085)
Tài sản cố định vô hình	227	13	7.201.659.252	5.878.349.363
- Nguyên giá	228		37.007.784.199	34.425.317.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.806.124.947)	(28.546.968.123)
Tài sản dở dang dài hạn	240	11	1.620.070.351.515	127.314.227.428
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.620.070.351.515	127.314.227.428
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.067.264.552.087	1.377.439.469.995
Đầu tư vào công ty con	251		969.501.691.109	1.279.501.691.109
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		95.671.237.464	95.671.237.464
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		17.640.362.162	17.640.362.162
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.548.738.648)	(15.373.820.740)
Tài sản dài hạn khác	260		54.718.290.915	61.355.420.357
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	40.484.508.933	47.921.306.082
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	31.1	14.233.781.982	13.434.114.275
TỔNG TÀI SẢN	270		6.079.565.815.322	5.687.100.675.044

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.089.065.032.779	1.043.987.495.804
Nợ ngắn hạn	310		574.338.297.451	494.392.300.352
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	142.911.983.638	90.898.635.541
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.433.669.625	1.485.321.750
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	36.829.651.478	47.099.439.242
Phải trả người lao động	314		121.480.362.393	83.310.533.761
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	221.879.005.906	218.121.309.918
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	9.542.909.868	16.100.831.109
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	26.112.719.131	27.543.252.235
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.147.995.412	9.832.976.796
Nợ dài hạn	330		514.726.735.328	549.595.195.452
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	514.726.735.328	549.595.195.452
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.990.500.782.543	4.643.113.179.240
Vốn chủ sở hữu	410	20	4.990.500.782.543	4.643.113.179.240
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.153.754.634.684	823.809.122.682
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		567.146.147.859	549.704.056.558
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		42.480.169.556	549.704.056.558
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		524.665.978.303	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		6.079.565.815.322	5.687.100.675.044

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

(Signature)

(Signature)

(Signature)

Nguyễn Thị Quyên

Trần Thị Thanh Hải

Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.254.275.621.506	1.354.774.784.702
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.254.275.621.506	1.354.774.784.702
Giá vốn hàng bán	11	23	833.843.857.177	898.320.000.874
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		420.431.764.329	456.454.783.828
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	293.716.534.100	255.902.206.439
Chi phí tài chính	22	25	8.195.031.662	15.446.883.754
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.529.402.168	7.369.444.568
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	97.320.023.318	99.964.148.965
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		608.633.243.449	596.945.957.548
Thu nhập khác	31	26	3.984.722.350	9.508.433.050
Chi phí khác	32	27	945.982.686	1.763.314.661
Lợi nhuận khác	40		3.038.739.664	7.745.118.389
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		611.671.983.113	604.691.075.937
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	87.805.672.517	95.106.393.921
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31.2	(799.667.707)	(799.667.707)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		524.665.978.303	510.384.349.723

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quyên

Trần Thị Thanh Hải

Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		611.671.983.113	604.691.075.937
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		141.716.785.974	139.200.840.668
Các khoản dự phòng	03		1.601.473.925	336.492.913
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(12.667.771.899)	(29.798.335.551)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(279.255.136.973)	(215.679.790.582)
Chi phí lãi vay	06		6.529.402.168	7.369.444.568
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		469.596.736.308	506.119.727.953
trước thay đổi vốn lưu động				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.896.064.960)	(250.211.666.794)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.824.340.542)	(1.127.434.972)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		67.216.020.459	5.807.276.879
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		9.920.885.225	(8.929.813.630)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.758.662.180)	(3.702.292.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(77.018.083.281)	(81.688.844.302)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		24.800.000	80.964.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(42.070.175.216)	(44.060.910.067)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20		396.191.115.813	122.287.006.845
kinh doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.526.911.218.395)	(142.121.970.329)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.377.646.000	(138.888.889)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.523.230.000.000)	(1.287.288.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.864.620.000.000	1.536.818.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(12.528.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		310.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		230.188.923.610	222.897.578.676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu	30		(643.954.648.785)	317.638.719.458
tư				

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.819.358.566)	(28.989.471.011)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(130.745.161.000)	(130.731.028.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(157.564.519.566)	(159.720.499.011)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(405.328.052.538)	280.205.227.292
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	487.327.218.671	205.582.871.081
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.168.728.259)	1.539.120.298
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	80.830.437.874	487.327.218.671

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hải

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 ngày 02/06/2008, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 11/08/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 8A Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2023 là 3.269.600.000.000 VND (bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng), tương đương 326.960.000 cổ phần mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 1.435 người (tại ngày 31/12/2022 là 1.481 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, phường Máy Tơ,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP***Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải; Dịch vụ hàng hải và kinh doanh kho vận.
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	60,00%	60,00%	Hỗ trợ tàu biển, bốc xếp, bảo quản giao nhận vận tải hàng hóa; Hoạt động lai dắt, trục vớt, cứu hộ và đại lý vận tải hàng hóa.
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Số 03 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ xếp dỡ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Trung chuyển và lưu trữ hàng hóa; Dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23 Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe; cung cấp dịch vụ vệ sinh, y tế dự phòng.
Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Số 05 Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Giáo dục nghề nghiệp các nghề giao nhận, vận hành các thiết bị xếp dỡ phục vụ khai thác cảng.

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	30,52%	30,52%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	16 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	27,61%	27,61%	Xây dựng công trình và vận tải đường bộ
Công ty Cổ phần HPH Logistics	Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	38,81%	38,81%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, phường Máy Tơ,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	Số 1, Đường Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	25,00%	25,00%	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng
Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	Số 1, Đường Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	25,00%	25,00%	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Lô CN 3.2 F, Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	20,00%	20,00%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (3)	Khu Công nghiệp Đình Vũ, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	49,00%	50,00%	Hoạt động lai dắt, dịch vụ kho bãi, bốc xếp hàng hóa
Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Lô đất KB2.3 và KB 3.3, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Q Hải An, TP. Hải Phòng	36,00%	36,00%	Logistics và vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

(3) Công ty nắm giữ gián tiếp các khoản đầu tư này qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - Số 05 Chùa Vẽ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.	Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container
Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.	Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hoạt động của Công ty là cung cấp các dịch vụ tại cảng biển và diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ, giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tỷ giá khi đánh giá lại tiền gửi ngoại tệ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iv) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.8 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 13

3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy vi tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 08 năm.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là dự án 02 bến container số 3, 4 cảng của ngõ Lạch Huyện và các công trình khác, bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG (TIẾP)**

Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 - 3 năm.

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước khác bao gồm Phí bảo hiểm được phân bổ theo hợp đồng bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.15 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.16 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ dịch vụ bốc xếp, lưu kho bãi, lai dắt, hỗ trợ, kiểm đếm, giao nhận, cân hàng và dịch vụ khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá,...

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	177.754.500	155.721.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.052.683.374	58.971.497.671
- Các khoản tương đương tiền	30.600.000.000	428.200.000.000
Cộng	80.830.437.874	487.327.218.671

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng với lãi suất 3,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	766.098.000.000	766.098.000.000	1.107.488.000.000	1.107.488.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	766.098.000.000	766.098.000.000	1.107.488.000.000	1.107.488.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	766.098.000.000	766.098.000.000	1.107.488.000.000	1.107.488.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 13 tháng có giá trị 766.098.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam với lãi suất từ 4,4%/năm đến 9,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	969.501.691.109	(2.005.284.667)	(*)	1.279.501.691.109	(2.105.754.971)	(*)
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	816.000.000.000	-	(*)	816.000.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng	17.501.691.109	-	(*)	17.501.691.109	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu (1)	120.000.000.000	-	(*)	430.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	15.000.000.000	(2.005.284.667)	(*)	15.000.000.000	(2.105.754.971)	(*)
+ Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	1.000.000.000	-	(*)	1.000.000.000	-	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	95.671.237.464	(12.082.322.969)	(*)	95.671.237.464	(11.846.934.757)	(*)
+ Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (2)	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(*)	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(*)
+ Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	3.000.000.000	-	(*)	3.000.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Đầu tư và thương mại hàng hải Hải Phòng	25.289.203.035	(264.288.540)	(*)	25.289.203.035	(28.900.328)	(*)
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	31.440.000.000	-	(*)	31.440.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Vinalines Đông Bắc (3)	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(*)	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(*)
+ Công ty Cổ phần HPH Logistics	11.596.000.000	-	(*)	11.596.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng (4)	12.528.000.000	-	(*)	12.528.000.000	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	17.640.362.162	(1.461.131.012)	(*)	17.640.362.162	(1.421.131.012)	(*)
+ Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	15.459.231.150	-	(*)	15.459.231.150	-	(*)
+ Công ty CP VIMC Logistics - Việt Nam	2.181.131.012	(1.461.131.012)	(*)	2.181.131.012	(1.421.131.012)	(*)
Cộng	1.082.813.290.735	(15.548.738.648)	(*)	1.392.813.290.735	(15.373.820.740)	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

- (1) Căn cứ nghị quyết số 94/NQ-CHP ngày 24/05/2022 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Hải Phòng về việc phương án, thời gian thực hiện giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu. Theo đó, hoàn trả giá trị vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu về Công ty CP Cảng Hải Phòng là 310.000.000.000 đồng.
- (2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.
- (3) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.
- (4) Theo nghị quyết số 11/NQ-CHP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Quản trị chấp thuận về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng với tổng số vốn góp là 12.528.000.000 VND (tương đương 36% vốn Điều lệ).
- (*) Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	148.316.144.394	(26.669.755.224)	177.091.615.577	(25.317.201.707)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>19.847.187.860</i>	<i>(3.447.478.567)</i>	<i>22.500.430.380</i>	<i>(3.350.394.695)</i>
- Công ty CP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	10.017.296.533	-	7.389.906.344	-
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	1.492.298.485	-	2.063.877.021	-
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	387.662.760	-	1.557.558.376	-
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	47.147.090	-	1.357.341.949	-
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	-	-	2.591.870.184	-
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	-	-	6.134.400	-
- Công ty CP HPH Logistics	4.455.304.425	-	4.183.347.411	-
- Công ty CP Vận tải container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.447.478.567	(3.447.478.567)	3.350.394.695	(3.350.394.695)
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>128.468.956.534</i>	<i>(23.222.276.657)</i>	<i>154.591.185.197</i>	<i>(21.966.807.012)</i>
- Ocean Network Express Pte, Ltd	13.000.144.749	-	8.674.913.730	-
- Wan hai lines ltd	3.987.319.186	-	10.422.186.957	-
- Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (VN)	-	-	8.282.858.237	-
- Công ty CP Vận tải biển GLS (GLS shipping)	7.477.547.513	-	6.569.701.882	-
- Maersk Line A/S	26.382.828.462	-	37.523.402.580	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	(9.930.305.723)	9.930.305.723	(9.930.305.723)
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển dương Vinashin	6.628.866.818	(6.628.866.818)	6.628.866.818	(6.628.866.818)
- Các đối tượng khác	61.061.944.083	(6.663.104.116)	66.558.949.270	(5.407.634.471)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	148.316.144.394	(26.669.755.224)	177.091.615.577	(25.317.201.707)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	208.657.181.161	(74.002.500)	237.749.123.114	-
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>383.654.800</i>	<i>-</i>	<i>767.309.600</i>	<i>-</i>
- Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	383.654.800	-	767.309.600	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>208.273.526.361</i>	<i>(74.002.500)</i>	<i>236.981.813.514</i>	<i>-</i>
- MITSUI E&S CO., LTD	190.746.186.888	-	-	-
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	-	-	219.869.378.168	-
- Công ty TNHH CHH	738.382.861	-	8.216.589.623	-
- Công ty CP Giải pháp Cảng và Hậu cần	1.562.066.500	-	2.520.853.750	-
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Thịnh Long	641.874.866	-	1.627.747.200	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Cảng - Đường Thủy	678.938.439	-	1.746.966.800	-
- Các đối tượng khác	13.906.076.807	(74.002.500)	3.000.277.973	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	208.657.181.161	(74.002.500)	237.749.123.114	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	295.721.754.081	-	266.950.846.766	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	51.280.956.518	-	340.129.670	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.861.744.285	-	29.085.170.883	-
- Tạm ứng	333.618.201	-	80.514.200	-
- Phải thu tiền thuê đất trả hộ công ty con	11.884.545.215	-	32.662.824.715	-
- Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (*)	194.218.263.761	-	194.218.263.761	-
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	6.630.154.935	-	4.247.114.040	-
- Phải thu người lao động nộp bổ sung thuế TNCN	424.029.297	-	111.002.952	-
- Phải thu về bồi thường tổn thất	1.486.346.105	-	2.359.469.010	-
- Phải thu đại lý hàng hải	67.631.532	-	2.353.476.159	-
- Phải thu ngắn hạn khác	3.534.464.232	-	1.492.881.376	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	295.721.754.081	-	266.950.846.766	-

(*) Đây là khoản tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ. Số tiền này được nộp vào ngân sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 33.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	72.259.745.332	-	58.376.549.350	-
Công cụ, dụng cụ	5.094.990.303	-	5.132.818.403	-
Hàng hóa	220.154.322	-	241.181.662	-
Cộng	77.574.889.957	-	63.750.549.415	-

10. NỢ XẤU

	31/12/2023			01/01/2023		
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	-	9.930.305.723	9.930.305.723	-	9.930.305.723
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	-	6.628.866.818	6.628.866.818	-	6.628.866.818
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.447.478.567	-	3.447.478.567	3.350.394.695	-	3.350.394.695
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hải Châu	965.762.010	-	965.762.010	965.762.010	-	965.762.010
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Vận tải Trọng Tín	915.035.424	-	915.035.424	915.035.424	-	915.035.424
- Các đối tượng khác	5.319.131.143	462.821.961	4.856.309.182	3.562.458.759	35.621.722	3.526.837.037
Cộng	27.206.579.685	462.821.961	26.743.757.724	25.352.823.429	35.621.722	25.317.201.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự án 02 bến container số 3, 4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện (*)	1.618.005.587.322	124.626.015.676
- Các công trình khác	2.064.764.193	2.688.211.752
Cộng	1.620.070.351.515	127.314.227.428

(*) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch huyện), thành phố Hải Phòng:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;

- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;

- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;

- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;

- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.

- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;

- Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m, Bến sà lan, dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rồng; 50 đầu kéo + rơ-moóc; 01 cầu trục xưởng sửa chữa, 08 cần xe tại cổng cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;

- **Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023:**

Gói thầu EC: Tổng khối lượng thi công đạt khoảng 60%, cụ thể:

+ Hạng mục Bến container số 3 và số 4, Bến sà lan: Hoàn thành thi công khoảng 85%.

+ Xử lý nền: Thi công cắm bấc thăm và gia tải đạt khoảng 50%.

Gói thầu TB01 “Cung cấp 06 STS và 24 RTG”: Ký hợp đồng ngày 02/6/2023. Thực hiện triển khai chế tạo, dự kiến bàn giao đợt 01 vào tháng 11/2024.

Hệ thống Công nghệ thông tin: Hoàn thành phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán.

Các công trình còn lại ngoài EC và Hệ thống cấp điện: Trình Cục Quản lý đầu tư xây dựng thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

Hệ thống PCCC: Hoàn thành lập TKBVTC và dự toán trên cơ sở thiết kế các công trình còn lại ngoài EC và hệ thống cấp điện. Thực hiện thẩm duyệt tại Cục Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	1.742.961.519.708	79.269.433.627	2.832.036.678.824	61.773.129.270	4.716.040.761.429
- Mua trong năm	-	-	10.859.449.932	17.818.632.298	28.678.082.230
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.539.554.786	-	844.504.545	348.234.937	2.732.294.268
- Tăng khác	206.666.024	-	70.096.543	217.586.363	494.348.930
- Thanh lý, nhượng bán	(190.076.614)	-	(10.464.992.914)	(57.260.000)	(10.712.329.528)
- Giảm khác	(23.367.833)	-	(308.730.000)	-	(332.097.833)
31/12/2023	<u>1.744.494.296.071</u>	<u>79.269.433.627</u>	<u>2.833.037.006.930</u>	<u>80.100.322.868</u>	<u>4.736.901.059.496</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(880.333.087.509)	(48.877.015.682)	(1.971.353.890.447)	(36.869.004.447)	(2.937.432.998.085)
- Khấu hao trong năm	(43.640.424.592)	(3.149.827.504)	(87.641.832.343)	(6.395.145.879)	(140.827.230.318)
- Thanh lý, nhượng bán	161.243.727	-	10.464.992.914	57.260.000	10.683.496.641
31/12/2023	<u>(923.812.268.374)</u>	<u>(52.026.843.186)</u>	<u>(2.048.530.729.876)</u>	<u>(43.206.890.326)</u>	<u>(3.067.576.731.762)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	<u>862.628.432.199</u>	<u>30.392.417.945</u>	<u>860.682.788.377</u>	<u>24.904.124.823</u>	<u>1.778.607.763.344</u>
31/12/2023	<u>820.682.027.697</u>	<u>27.242.590.441</u>	<u>784.506.277.054</u>	<u>36.893.432.542</u>	<u>1.669.324.327.734</u>

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 1.361.903.254.167 đồng, tại ngày 01/01/2023 là 1.356.108.362.056 đồng.
- Năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình (chi tiết khoản mục Nhà cửa, vật kiến trúc) đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ VND (giá trị còn lại đến ngày 31/12/2023 là 150,47 tỷ VND). Việc tạm tăng các tài sản cố định này được thực hiện theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn phòng Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2, do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản nên việc quản lý, khai thác các tài sản này đang còn một số vướng mắc.

Từ năm 2020, Công ty đã tạm dừng trích khấu hao đối với các tài sản này.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 33.1).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	34.425.317.486	34.425.317.486
- Mua trong năm	2.582.466.713	2.582.466.713
31/12/2023	37.007.784.199	37.007.784.199
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2023	(28.546.968.123)	(28.546.968.123)
- Khấu hao trong năm	(1.259.156.824)	(1.259.156.824)
31/12/2023	(29.806.124.947)	(29.806.124.947)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	<u>5.878.349.363</u>	<u>5.878.349.363</u>
31/12/2023	<u>7.201.659.252</u>	<u>7.201.659.252</u>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 26.341.996.738 đồng, tại ngày 01/01/2023 là 25.496.996.738 VND.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 <u>VND</u>	01/01/2023 <u>VND</u>
a) Ngắn hạn	13.433.610.952	15.917.699.028
- Phí bảo hiểm	1.080.263.660	2.986.121.593
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.639.634.518	5.523.160.374
- Chi phí sửa chữa, nạo vét	3.437.854.889	6.048.025.733
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.275.857.885	1.360.391.328
b) Dài hạn	40.484.508.933	47.921.306.082
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	24.988.719.091	29.373.012.984
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	15.484.372.622	18.520.135.814
- Chi phí trả trước dài hạn khác	11.417.220	28.157.284
Cộng	<u>53.918.119.885</u>	<u>63.839.005.110</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	142.911.983.638	142.911.983.638	90.898.635.541	90.898.635.541
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>9.712.752.693</i>	<i>9.712.752.693</i>	<i>13.017.825.850</i>	<i>13.017.825.850</i>
- Công ty CP Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	8.378.412.743	8.378.412.743	7.652.265.313	7.652.265.313
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	286.279.288	286.279.288	406.403.332	406.403.332
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	327.902.250	327.902.250	413.083.350	413.083.350
- Công ty TNHH MTV Đào tạo KTNV Cảng Hải Phòng	109.300.000	109.300.000	290.000.000	290.000.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công Ty Kho Bãi VIMC Hải Phòng	594.804.860	594.804.860	1.924.029.279	1.924.029.279
- Công ty CP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	-	-	7.128.000	7.128.000
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	-	-	2.137.539.600	2.137.539.600
- Công ty CP HPH Logistics	16.053.552	16.053.552	187.376.976	187.376.976
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>133.199.230.945</i>	<i>133.199.230.945</i>	<i>77.880.809.691</i>	<i>77.880.809.691</i>
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ An Thái Hưng	8.554.924.115	8.554.924.115	9.453.677.679	9.453.677.679
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	6.662.469.880	6.662.469.880	9.887.122.650	9.887.122.650
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình thủy	2.956.600.245	2.956.600.245	26.112.871.448	26.112.871.448
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	63.903.573.180	63.903.573.180	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch Quốc tế VITRA	10.262.840.000	10.262.840.000	2.966.760.000	2.966.760.000
- Các đối tượng khác	40.858.823.525	40.858.823.525	29.460.377.914	29.460.377.914
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	142.911.983.638	142.911.983.638	90.898.635.541	90.898.635.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	2.700.439.054	2.700.439.054	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.018.083.281	87.805.672.517	77.018.083.281	22.805.672.517
- Thuế thu nhập cá nhân	-	12.302.558.002	12.302.558.002	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	35.081.355.961	46.149.165.200	67.206.542.200	14.023.978.961
- Các loại thuế khác	-	151.281.131	151.281.131	-
	47.099.439.242	149.109.115.904	159.378.903.668	36.829.651.478
	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	24.986.549	-	553.193.104	578.179.653
	24.986.549	-	553.193.104	578.179.653

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	26.112.719.131	26.112.719.131	27.203.657.481	28.634.190.585	27.543.252.235	27.543.252.235
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>26.112.719.131</i>	<i>26.112.719.131</i>	<i>27.203.657.481</i>	<i>28.634.190.585</i>	<i>27.543.252.235</i>	<i>27.543.252.235</i>
Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả (1)	26.112.719.131	26.112.719.131	27.203.657.481	28.634.190.585	27.543.252.235	27.543.252.235
Vay dài hạn	514.726.735.328	514.726.735.328	2.115.996.886	36.984.457.010	549.595.195.452	549.595.195.452
Vay dài hạn ODA giai đoạn II (1)	131.396.504.741	131.396.504.741	2.115.996.886	36.984.457.010	166.264.964.865	166.264.964.865
Vay dài hạn ODA cầu số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ (2)	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung (2)	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
Cộng	540.839.454.459	540.839.454.459	29.319.654.367	65.618.647.595	577.138.447.687	577.138.447.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

- (1) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án “Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II”, không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029. Tại thời điểm 31/12/2023, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 941.140.200,00 JPY (tương đương 157.509.223.872 VND); Nợ dài hạn đến hạn trả là: 156.856.700 JPY (tương đương 26.112.719.131 VND).
- (2) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT).

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ VNĐ là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VNĐ là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	221.879.005.906	218.121.309.918
- Chi phí lãi vay (*)	221.354.341.214	217.583.601.226
- Các khoản trích trước khác	524.664.692	537.708.692
b) Dài hạn	-	-
Cộng	221.879.005.906	218.121.309.918

(*) Chi phí lãi vay của khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ và khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung. Tại ngày 31/12/2023, Công ty đang tạm dừng trích chi phí lãi vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ, chi phí lãi vay phải trả tạm tính trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2019 là 182.515.816.097 VND.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 33.1).

19. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.542.909.868	16.100.831.109
- Kinh phí công đoàn	469.649.500	1.796.768.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	187.571.000	148.732.000
- Tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	5.304.342.200	11.306.892.900
- Phải trả vật tư vay mượn	2.133.864.000	2.133.864.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.447.483.168	714.574.009
b) Dài hạn	-	-
Cộng	9.542.909.868	16.100.831.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	3.269.600.000.000	500.869.673.328	531.405.567.189	4.301.875.240.517
- Lãi trong năm trước	-	-	510.384.349.723	510.384.349.723
- Phân phối lợi nhuận	-	322.858.485.354	(492.085.860.354)	(169.227.375.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	322.858.485.354	(322.858.485.354)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(38.443.375.000)	(38.443.375.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(130.784.000.000)	(130.784.000.000)
- Tăng khác	-	80.964.000	-	80.964.000
31/12/2022	3.269.600.000.000	823.809.122.682	549.704.056.558	4.643.113.179.240
01/01/2023	3.269.600.000.000	823.809.122.682	549.704.056.558	4.643.113.179.240
- Lãi trong năm nay	-	-	524.665.978.303	524.665.978.303
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	329.945.512.002	(507.223.887.002)	(177.278.375.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	329.945.512.002	(329.945.512.002)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(46.494.375.000)	(46.494.375.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(130.784.000.000)	(130.784.000.000)
31/12/2023	3.269.600.000.000	1.153.754.634.684	567.146.147.859	4.990.500.782.543

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty CP Cảng Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, phường Máy Tơ,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tỷ lệ	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023
	(%)	VND	(%)	VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	92,56	3.026.413.770.000	92,56	3.026.413.770.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	7,44	243.186.230.000	7,44	243.186.230.000
Cộng	100,00	3.269.600.000.000	100,00	3.269.600.000.000

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	130.784.000.000	130.784.000.000

20.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

20.5 CÁC QUỸ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.153.754.634.684	823.809.122.682

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài:**

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng để sử dụng làm văn phòng Công ty từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 4.083,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao đất theo quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 tại số 23 đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm trụ sở Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên. Diện tích khu đất là 1.022 m². Thửa đất này không phải nộp tiền thuê đất hàng năm do phục vụ công ích.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 6.472,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 4 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm văn phòng và dịch vụ ăn uống. Diện tích khu đất thuê là 2.276,8 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thửa đất trên đã hết thời hạn hợp đồng thuê đất. Công ty đã nộp hồ sơ đề xin gia hạn tiếp tục được thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh lên Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng đã trình lên UBND thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên UBND Thành phố Hải Phòng trả lời không gia hạn cho thửa đất trên, vì nằm trong kế hoạch di dời Cảng Hải Phòng từ 2020-2025 và nằm trong quy hoạch Nam Sông Cấm do vậy Sở Tài nguyên & môi trường không ký gia hạn hợp đồng thuê đất cho Cảng Hải Phòng.

- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao thửa đất tại lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 12/07/2010 để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích khu đất là 777 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Khu đất số 5 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, hiện nay là Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ, diện tích sử dụng là: 236.820,2 m². Khu đất này Công ty đang đầu tư xây dựng để khai thác hàng Container, hiện nay đã xây tường bao xung quanh, không có sự tranh chấp, sử dụng đúng mục đích chấp hành tốt quy định về luật đất đai.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 9 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng để sử dụng trụ sở Công ty TNHH MTV Trường dạy nghề công nhân kỹ thuật Cảng Hải Phòng từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 1.225,4 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng để sử dụng làm Chi nhánh Cảng Tân Vũ theo Giấy chứng nhận số: BB 538580 cấp ngày 10/4/2012. Diện tích khu đất thuê là 436.460 m². Khu đất trên nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và được ưu đãi tiền thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**a) Tài sản thuê ngoài (Tiếp):**

- Khu đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng với diện tích là 74.244,3 m². Theo thông báo số 220/TB-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn III, hiện nay Công ty đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ để báo cáo UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định giao đất.

- Thửa đất tại số 02 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ nối liền giữa đường Hoàng Diệu và đường Lê Thánh Tông với tổng diện tích quản lý và sử dụng là 329.613,9 m². Trong đó, diện tích sử dụng sản xuất kinh doanh là 154.127,3 m². Diện tích còn lại là 175.486,6 m² là khu vực ga phân loại trong cảng gồm 07 làn đường sắt, 01 trạm cân toa và hành lang đường sắt chạy dọc trong cảng, đường giao thông trong cảng. Khu vực bãi phòng không trại pháo 37 ly và 03 hầm trú ẩn tập thể do Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng quản lý. Hiện nay khu đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì theo quy hoạch di dời cảng để thực hiện dự án Nam Sông Cấm. Công ty được tiếp quản thửa đất này từ năm 1955 (Cảng chính) và đang làm trụ sở kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu.

- Công ty được giao thửa đất tại Khu hậu cần Bến Gót - Cát Hải theo Quyết định số 425/QĐ-UBND Thành phố Hải Phòng ngày 27/02/2006. Diện tích khu đất là 5.299 m². Công ty đã hoàn thiện hồ sơ để trình Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xây dựng khu nhà hậu cần phục vụ khu neo đậu chuyển tải cho cán bộ nhân viên của Công ty khi làm hàng chuyển tải tại đây. Ngày 05/4/2017, UBND huyện Cát Hải có Thông báo số 480/TB-UBND thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (giai đoạn 2) do Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ làm chủ đầu tư, vì vậy thửa đất không đưa vào sử dụng. Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về phương án thu hồi thửa đất này. Hiện nay thửa đất này không phải trả tiền thuê đất.

b) Ngoại tệ các loại:

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	635.943,47	2.212.075,80
Yên Nhật (JPY)	1.593,00	-

c) Nợ khó đòi đã xử lý:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xử lý nợ theo các quyết định và nghị quyết HĐQT	2.251.432.360	2.251.432.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Doanh thu	1.254.275.621.506	1.354.774.784.702
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.254.275.621.506	1.354.774.784.702
Cộng	1.254.275.621.506	1.354.774.784.702

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 32.2

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	833.843.857.177	898.320.000.874
Cộng	833.843.857.177	898.320.000.874

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	97.876.021.674	71.079.171.816
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	180.030.302.186	144.739.507.655
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.142.438.341	12.932.148.231
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	12.667.771.899	27.151.378.737
Cộng	293.716.534.100	255.902.206.439

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	6.529.402.168	7.369.444.568
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.490.711.586	7.728.391.811
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	174.917.908	349.047.375
Cộng	8.195.031.662	15.446.883.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thanh lý tài sản	1.348.813.113	-
- Thu nhập từ bồi thường	870.381.718	8.274.540.000
- Tiền phạt thu được	185.633.266	12.312.000
- Tiền điện nước cho thuê ngoài	1.131.658.728	1.022.505.479
- Các khoản khác	448.235.525	199.075.571
Cộng	3.984.722.350	9.508.433.050

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	138.888.889
- Các khoản chi phí khác	945.982.686	1.624.425.772
Cộng	945.982.686	1.763.314.661

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	63.394.169.255	62.620.877.657
- Chi phí vật liệu quản lý	1.010.281.200	810.609.700
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.567.799.565	2.882.608.900
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.426.556.017	55.579.754
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.158.192.908	3.421.684.059
- Chi phí bằng tiền khác	24.763.024.373	30.172.788.895
Cộng	97.320.023.318	99.964.148.965

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	131.643.358.204	144.109.914.551
- Chi phí nhân công	428.130.626.402	432.465.460.211
- Khấu hao tài sản cố định	141.716.785.974	138.860.255.668
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.545.120.170	152.816.590.587
- Chi phí bằng tiền khác	129.701.433.728	129.976.349.068
- Chi phí dự phòng	1.426.556.017	55.579.754
Cộng	931.163.880.495	998.284.149.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	611.671.983.113	604.691.075.937
Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.386.681.656	15.580.401.324
- Chi phí không hợp lệ	3.388.343.121	11.582.062.789
- Điều chỉnh tăng phần trích trước lãi vay vốn ODA	3.998.338.535	3.998.338.535
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	180.030.302.186	144.739.507.655
- Cổ tức lợi nhuận được chia	180.030.302.186	144.739.507.655
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	439.028.362.583	475.531.969.606
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	87.805.672.517	95.106.393.921
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	87.805.672.517	95.106.393.921

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**31.1. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng (Chi phí lãi vay ODA cầu số 4, số 5, bãi container và gói thiết bị)	14.233.781.982	13.434.114.275
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.233.781.982	13.434.114.275

31.2. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(799.667.707)	(799.667.707)

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***33. THÔNG TIN KHÁC****33.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC**

Cầu cảng số 04 và số 05 bến cảng Chùa vẽ là các hạng mục thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 09/01/1999:

Chủ đầu tư: Bộ Giao thông Vận tải

Nguồn vốn đầu tư: vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ

- Ngày 25/03/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1966/TTg-KTN giao cho Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ (các Cầu cảng) theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/11/2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II và yêu cầu Công ty hoàn thành thủ tục vay đối với giá trị quyết toán của hai công trình nêu trên là 342,1 tỷ VND.

Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng giao cho Công ty báo cáo Bộ Tài chính về việc vay lại giá trị phần chi phí khác được phân bổ cho gói thiết bị của dự án với số tiền là 55,3 tỷ VND.

- Tuy nhiên, Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về giá trị 55,3 tỷ VND này đã bao gồm tiền lãi vay vốn cho gói thiết bị là 14,1 tỷ VND. Công ty đã trả số tiền lãi này và đã có xác nhận của Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010. Do đó, Công ty chỉ ghi nhận chi phí khác cho gói thiết bị là: 41,14 tỷ VND.

- Theo đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị của 02 cầu Cảng số 04, 05, bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt tại ngày 31/12/2022 là 279,7 tỷ VND và 150,47 tỷ VND căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT ngày 25/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ VND là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng số 04, 05, bãi container cảng Chùa Vẽ và 41,2 tỷ VND là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Các khoản phải thu, phải trả phát sinh từ dự án

- Theo các văn bản: Kết luận số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/4/2020 của Bộ Tài chính về việc xử lý tạm nộp tiền khấu hao, trích trước lãi vay tài sản cầu cảng số 4, số 5 và bãi container Cảng Hải Phòng thì: Cảng Hải Phòng phải nộp đủ số tiền khấu hao và tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 194.218.263.761 VND (trong đó tiền khấu hao là 44.887.141.500 VND và tạm trích trước chi phí lãi vay là 149.331.122.261 VND).

- Công ty đã tạm nộp các khoản trên vào ngân sách Nhà nước và hạch toán vào:

+ Phải thu khác đối với giá trị khấu hao của các tài sản này trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 số tiền là: 44.887.141.500 VND.

+ Giảm số trích trước chi phí phải trả đối chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****33.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)**

+ Theo thông báo số 1101/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà Nước cho báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo Tài chính năm 2021 theo đó tăng số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND và tăng Phải thu khác tương ứng.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 8)

Cơ chế quản lý vận hành dự án và phương án trả nợ

- Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải, Công ty đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 đến 2020. Phương án này đã được Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải chấp thuận, chuyển Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt.

- Sau nhiều lần làm việc giữa các bên, ngày 23/7/2018, Bộ Tài chính đã có văn bản số 8715/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tăng tài sản và phương án vay, trả cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Trong đó có kiến nghị rà soát các quy định của pháp luật trong việc cho Cảng Hải phòng vay, trả nợ (chuyển giao tài sản công sang tài sản doanh nghiệp).

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản số 638/TB-BGTVT ngày 05/12/2018 chỉ đạo Cảng Hải Phòng xây dựng phương án thuê khai thác cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.

- Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thuê khai thác các tài sản này như sau:

+ Thời điểm trước ngày 1/7/2014 (trước thời điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng): cầu cảng số 04,05 và bãi container được giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng (doanh nghiệp nhà nước) quản lý khai thác.

+ Thời điểm từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2019: Cho phép chỉ định Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng thuê quản lý, khai thác cầu cảng số 04,05 và bãi container. Giá cho thuê theo quyết định của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính phê duyệt.

+ Thời điểm từ ngày 01/01/2020 trở đi: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, thực hiện đấu giá cho thuê khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng tại cầu cảng số 04,05 và bãi container do Nhà nước đầu tư.

- Ngày 20/02/2020, Bộ Giao thông Vận tải đã có thông báo số 56/TB-BGTVT thông báo kết luận về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Hiện nay, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Công ty đã dừng trích khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc dự án này và dừng ghi nhận lãi vay tương ứng để chờ quyết định chính thức của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

- Ngày 28/10/2020, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10855/BGTVT-KCHT gửi Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo về hạch toán tăng tài sản và xây dựng phương án trả nợ vay, lãi vay đối với giá trị các cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng.

- Sau khi nhận được văn bản số 765/CV-CHP ngày 18/03/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, ngày 29/03/2022, Bộ Giao thông vận tải đã có công văn số 2982/BGTVT-KCHT thông báo về việc Bộ Giao thông vận tải đã có các văn bản số 6114/BGTVT-KCHT ngày 28/06/2021, văn bản số 2426/BGTVT-KCHT ngày 15/03/2022 gửi Văn phòng Chính phủ đề nghị sớm tham mưu báo cáo Chính phủ Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo về phương án trả nợ cầu cảng số 04, số 05 Cảng Chùa Vẽ theo các nội dung báo cáo tại văn bản số 10855/BGTVT-KCHT ngày 28/10/2020. Sau khi được Chính phủ cho ý kiến, Bộ Giao thông vận tải sẽ phối hợp với các cơ quan tổ chức liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****33.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)**

- Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản số 7642/VPCP-CN yêu cầu Bộ Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, bảo đảm phù hợp thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác các cầu Cảng và tuân thủ theo quy định Pháp luật liên quan.

- Ngày 08/6/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải nội dung liên quan đến cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ, làm cơ sở để Bộ Giao thông vận tải làm việc, thống nhất phương án xử lý với Bộ Tài chính. Theo đó Cảng Hải Phòng đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 17/11/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 3939/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải, nội dung chính cụ thể:

+ Cảng Hải Phòng đã có những buổi làm việc, phân tích cơ sở, tính khả thi và báo cáo đề xuất các Vụ, Cục thuộc Bộ Giao thông Vận Tải, Bộ Tài chính xem xét thống nhất phương án tăng tài sản cầu số 4, 5 bến cảng Chùa Vẽ tại doanh nghiệp như đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013, đồng thời tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Phương án xử lý phần chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị cũng chưa được Bộ Tài chính xem xét xử lý do phải thực hiện sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ.

- Bộ Giao thông vận tải đã thống nhất chủ trương trình Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ phương án giao tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác. Tuy nhiên, Vụ Kết cấu hạ tầng có trao đổi phương án báo cáo đề xuất Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ phê duyệt riêng cho trường hợp của Cảng Hải Phòng là không khả thi do nội dung trình/duyet trái với nội dung quy định tại Nghị định 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012: “Đối với kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được đưa vào khai thác, sử dụng trước ngày 01 tháng 9 năm 2006 do Thủ tướng Chính phủ quyết định” và “Đối với kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng đưa vào khai thác, sử dụng từ ngày 01 tháng 9 năm 2006 trở đi được thực hiện cho thuê khai thác theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của Pháp luật”. Vì vậy, việc sửa đổi Nghị định là điều kiện tiên quyết để có thể giải quyết được đề xuất của Cảng Hải Phòng.

- Hiện tại, Bộ Tài chính đang xin ý kiến các cơ quan liên quan để sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

- Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018).

- Đối với nguồn vốn hình thành tài sản, dự kiến sau khi Nghị định mới được ban hành, Vụ Kết cấu hạ tầng sẽ có văn bản báo cáo để Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hiện tại Bộ Giao thông vận tải đang xem xét đề xuất phương án tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp hay phương án giao Cảng Hải Phòng nhận nợ và trả nợ vay.

- Đến thời điểm 31/12/2023 các vấn đề trên vẫn chưa được giải quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****33.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Công ty con
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Công ty con
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Cùng tập đoàn
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	Cùng tập đoàn
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng tập đoàn
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	Cùng tập đoàn
- Công ty CP HPH Logistics	Công ty liên kết
- Ban quản lý dự án chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Cùng tập đoàn
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Công ty liên kết
- Công ty CP VIMC Logistics - Việt Nam	Cùng tập đoàn
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	Cùng tập đoàn
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	Cùng tập đoàn
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Dịch vụ hàng hải Phương Đông	Cùng tập đoàn
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Cùng tập đoàn
- Công ty CP Phát triển Hàng hải (Vimadeco)	Cùng tập đoàn
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	Cùng tập đoàn
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	Công ty liên kết
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Hà Nội	Cùng tập đoàn
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Hải Phòng	Cùng tập đoàn
- Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc - Chi nhánh Công ty CP Đại lý Hàng Hải Việt Nam	Cùng tập đoàn
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Quảng Ninh	Cùng tập đoàn
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Đà Nẵng	Cùng tập đoàn
- CN Công ty CP Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng	Cùng tập đoàn
- CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	Cùng tập đoàn
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	Cùng tập đoàn
- Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**33.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương Ban Giám đốc và các thành viên chủ chốt khác:*

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị		1.200.000.000	1.200.000.000
Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	-	-
Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	-	-
Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT	240.000.000	240.000.000
Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	240.000.000	240.000.000
Đinh Văn Thạch	Thành viên độc lập HĐQT	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Cảnh Bình	Thành viên độc lập HĐQT	240.000.000	160.000.000
Vũ Quyết Thắng	Thành viên độc lập HĐQT	-	80.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát		240.000.000	240.000.000
Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Đồng Xuân Khanh	Thành viên BKS	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Thị Hằng	Thành viên BKS	120.000.000	120.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác		9.441.074.195	11.658.753.356
Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	1.434.147.531	1.810.834.106
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	871.551.458	1.088.300.692
Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.378.300.919	1.764.169.200
Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	1.031.266.085	1.281.972.543
Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	1.048.305.587	1.286.132.532
Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	1.023.370.028	1.288.378.047
Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc	847.428.191	860.541.579
Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	873.840.958	1.079.842.481
Trần Thị Thanh Hải	Kế toán trưởng	932.863.438	1.198.582.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**33.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	83.430.813.929	70.542.653.046
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	26.956.282.622	9.413.873.218
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	6.756.366.157	5.383.442.437
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.151.728.920	3.743.409.276
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	74.319.413	104.335.306
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	26.404.807.922	12.196.251.388
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	1.057.134.446
- Công ty CP VIMC Logistics - Việt Nam	1.253.975.000	2.289.150
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	11.340.000	219.110.000
- Công ty CP HPH Logistics	9.168.873.125	8.704.358.164
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	8.017.606.788	25.673.530.394
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	162.145.000	550.766.000
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	1.664.725.821	2.041.602.669
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Dịch vụ hàng hải Phương Đông	53.330.354	34.194.598
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	42.700.000	43.190.000
- Công ty CP Phát triển Hàng hải (Vimadeco)	3.550.000	2.690.000
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	-	1.200.000
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	1.145.567.000	1.123.278.000
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Hà Nội	-	1.625.000
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Hải Phòng	509.179.807	49.888.000
- Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc - Chi nhánh Công ty CP Đại lý Hàng Hải Việt Nam	-	179.345.000
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Quảng Ninh	54.316.000	9.310.000
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Đà Nẵng	-	2.400.000
- CN Công ty CP Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng	-	5.430.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, phường Máy Tơ,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**33.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch bên liên quan (Tiếp)**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Mua dịch vụ	53.024.898.462	102.158.735.143
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	-	4.468.026.854
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	40.397.630.409	47.696.511.543
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.083.227.395	1.946.068.831
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	857.205.850	1.618.127.100
- Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	209.600.000	569.900.000
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	-	1.817.621.000
- Công ty CP HPH Logistics	214.869.963	10.941.182.426
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	1.034.247.272	5.767.862.636
- CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	143.179.400	11.155.916.600
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	30.100.000	505.010.000
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	3.080.779.000	11.636.655.000
- Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	5.974.059.173	4.035.853.153
Cổ tức, lợi nhuận được chia	180.030.302.186	144.739.507.655
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	153.000.000.000	122.400.000.000
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	972.000.000	972.000.000
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	21.288.077.186	20.031.947.655
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	1.879.200.000	-
- Công ty CP VIMC Logistics - Việt Nam	-	60.000.000
- Công ty CP HPH Logistics	1.391.520.000	1.275.560.000
- Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	1.499.505.000	-

33.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quyên

Trần Thị Thanh Hải

Nguyễn Tường Anh